TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:104/2018/HNGĐ-ST
Ngày 11 – 6 - 2018
" V/v xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ M

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :***

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Huyền Trân
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Võ Thanh Liêm
2. Bà Trần Thị Cúc

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Ngày 11 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 424/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2018, về việc "xin ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 424/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2018, giữa:
1. Nguyên đơn: Bà Đào Hồng N, sinh năm 1966; Địa chỉ: Ấp GH, xã HT, thành phố M, tỉnh Cà Mau; Chỗ ở: Ấp MĐ, xã TK, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).
2. Bị đơn: Ông Nguyễn Huỳnh N, sinh năm 1963 Địa chỉ: Ấp GH, xã HT, thành phố M, tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Bà Đào Hồng N trình bày:* Bà và ông Nguyễn Huỳnh N chung sống vào năm 1987, không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhau, nhận thấy cả hai không thể chung sống với nhau được nữa, nay bà yêu cầu được ly hôn với ông N.

Về con chung: Bà N xác định có hai người con tên Nguyễn Chí T, sinh năm 1989; Nguyễn N H, sinh năm 1993, hiện nay hai con đã trưởng thành nên khi ly hôn bà không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà N xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà N xác định không nợ ai và cũng không ai nợ lại.

Ông Nguyễn Huỳnh N trình bày: Về thời gian chung sống, không đăng ký kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn đúng như bà N trình bày. Nay bà N xin ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Ông N xác định có hai người con đúng như bà N trình bày. Do các con đã trưởng thành nên khi ly hôn ông không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông N xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông N xác định không nợ ai và cũng không ai nợ lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp được xác định là tranh chấp về hôn nhân gia đình nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Bà Đào Hồng N và ông Nguyễn Huỳnh N chung sống với nhau vào năm 1987 nhưng đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn mặc dù có đủ điều kiện để đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do đó hôn nhân của bà N và ông N đã vi phạm về mặt hình thức. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, bà N cho rằng do vợ chồng có mâu thuẫn với nhau, bất đồng về mọi mặt trong cuộc sống, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, tình cảm vợ chồng không còn và đã ly thân 05 năm nay nên không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Mặc khác ông N cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà N. Hội đồng xét xử thấy rằng, do bà N với ông N chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1987 đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn, căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành quy định của Luật hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân giữa bà N với ông N không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: Bà N và ông N xác định có hai con chung tên Nguyễn Chí Toàn, sinh năm 1989; Nguyễn N H, sinh năm 1993, hiện nay hai cháu đã trưởng thành đã trưởng thành tự N sống bản thân được nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà N và ông N xác định tự thỏa thuận với nhau nên không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà N và ông N xác định không có nên không đặt ra xem xét.

[6] Bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39,147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 9, 14, 53 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Về hôn nhân: Không công nhận bà Đào Hồng N với ông Nguyễn Huỳnh N là vợ chồng.

2/ Về con chung: Đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

4/ Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000đ, bà N phải chịu. Ngày 07/5/2018 bà N đã dự nộp 300.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố M theo biên lai thu tiền số 0000759 được chuyển thu sung quỹ nhà nước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TỈNH;
- VKSND tp.M;
- Chi cục THADS tp.M;
- HSVA;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Trần Huyền Trân